1. NHẬP HÀNG – KHO HÀNG  (Cua)
   * **KHOHANG**(**MaKhoHang**, TenKhoHang,MaNhaHang)  
       
     Mỗi nhà hàng cần có kho hàng riêng. Thông tin cơ bản của kho hàng được lưu trong bảng **KHOHANG.** Thuộc tính **MaNhaHang** cho biết kho hàng thuộc về nhà hàng nào.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| MaKhoHang | Int |
| TenNhaHang | Nvarchar(100) |
| MaNhaHang | Int |

* + **THONGTINHANGNHAP**(**manhaphang**, ngaynhap, makho, machitietnhap)  
      
    Bảng này cho biết thông tin cơ bản trong mỗi lần nhập hàng. Thuộc tính **makho** cho biết nhập hàng vào kho hàng nào( thuộc nhà hàng nào).

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| Manhaphang | Int |
| Ngaynhap | Datetime |
| Makho | Int |
| Machitietnhap | Int |

* + **CHITIETHANGNHAP**(**machitietnhaphang**, manguyenlieu, manhacungcap, dongia,soluong, tinhtrang, thanhtoan)  
      
    Cho biết danh sách chi tiết các nguyên liệu trong mỗi lần nhập hàng. Thuộc tính **thanhtoan** cho biết nguyên liệu nhập đó đã được thanh toán tiền cho nhà cung cấp hay chưa. Thuộc tính **dongia** do nhà cung cấp đưa giá một thời điểm theo thỏa thuận, đơn giá có thể do nhà cung cấp thay đổi vào mỗi lần giao hàng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| Machitietnhaphang | Int |
| Manguyenlieu | Int |
| Manhacungcap | Int |
| Dongia | Double |
| Soluong | Int |
| Tinhtrang | ???? ý nghĩa |
| Thanhtoan | Bool |

* + **KHOHANG**\_**NGUYENLIEU(makhohang,** manguyenlieu, soluongton, succhua**)**Bảng này cho biết thông tin về các nguyên liệu trong từng kho hàng (**makhohang**): số lượng tồn của mỗi nguyên liệu( **soluongton**), sức chứa tối đa của mỗi loại nguyên liệu( **succhua**).

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| MaKhoHang | Int |
| Manguyenlieu | Int |
| soluongton | Int |
| Succhua | Int |

* + **NGUYENLIEU(manguyenlieu,** tennguyenlieu, donvitinh**)**Cho biết danh sách tất cả các loại nguyên liệu có thể dùng trong tất cả các nhà hàng của công ty. Thuộc tính **donvitinh** như: cái, cây, kg… dùng cho việc quản lý số lượng nhập hàng, tính toán thành tiền cho nguyên liệu nhập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| Manguyenlieu | Int |
| Tennguyenlieu | Nvarchar(100) |
| Donvitinh | Nvarchar(50) |

* + **THONGKEHANGNHAP(tuan, thang, nam,** manguyenlieu, tongsoluong, chiphi, manhahang**)**Mỗi dòng dữ liệu trong bảng này cho biết các thông tin thống kê: tổng số lượng nhập hàng( **tongsoluong)** và chi phí của mỗi loại nguyên liệu( **chiphi)** được dùng trong từng nhà hàng( **manhahang**). Thời gian thống kê theo tuần. Quy định về cách tính thời gian như sau: Mỗi tháng có 4 tuần. Tuần 1 bắt đầu vào ngày 1. Tuần 4 kết thúc vào ngày cuối tháng dù tuần 4 đã đủ 7 ngày hay chưa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| Tuan | Int |
| Thang | Int |
| Nam | Int |
| Tongsoluong | Int |
| Chiphi | Double |
| MaNhaHang | Int |

1. NHÀ CUNG CẤP - NGUYÊN LIỆU (Cún Quéo)
   * NHACUNGCAP(**MaNhaCungCap**,TenNhaCungCap,DienThoai,SoTaiKhoan, MaThoiDiemThanhToan,MaThoiDiemGuiDS)

Mỗi nhà cung cấp có một mã duy nhất **MaNhaCungCap** để phân biệt với các nhà cung cấp khác ,cùng với thông tin của nhà đó **TenNhaCungCap** , **DienThoai**, **SoTaiKhoan**.Thuộc tính **MaThoiDiemThanhToan** cho biết nhà hàng sẽ thanh toán cho nhà cung cấp vào thời điểm thanh toán nào.**MaThoiDiemGuiDS** cho biết thời điểm nhà cung cấp gửi danh sách nguyên liệu cho nhà hàng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| **MaNhaCungCap** | Int |
| TenNhaCungCap | Nvarchar(100) |
| DienThoai | Int |
| SoTaiKhoan | Int |
| MaThoiDiemThanhToan | Int |
| MaThoiDiemGuiDS | Int |

* + NHACUNGCAP\_NGUYENLIEU(**MaNhaCungCap**,**MaNguyenLieu**,DonGia)

Mỗi dòng dữ liệu của NHACUNGCAP\_NGUYENLIEU cho biết một nhà cung cấp có mã là **MaNhaCungCap** sẽ có từng mã **MaNguyenLieu** thuộc về từng nhà cung cấp đó, cùng với **DonGia** cho biết giá từng nguyên liệu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| **MaNhaCungCap** | Int |
| **MaNguyenLieu** | Int |
| DonGia | float |

* + THOIDIEMTHANHTOAN(**MaThoiDiemThanhToan**,ThoiDiemThanhToan)

Từng nhà hàng sẽ ký kết với nhà cung cấp thời điểm thanh toán tiền .Có nhiều thời điểm thanh toán thông qua **MaThoiDiemThanhToan**.Mỗi MaThoiDiemThanhToan có **ThoiDiemThanhToan** cho biết tên của thời điểm thanh toán đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| **MaThoiDiemThanhToan** | Int |
| **ThoiDiemThanhToan** | Nvachar(50) |
|  |  |

* + DINHMUCNO(**ID**,MaNhaCungCap,GiaTriDinhMuc,NgayApDung)

Công ty sẽ quy định một định mức nợ tương ứng với từng công ty cụ thể, thông qua bảng DINHMUCNO.Mỗi định mức nợ có một mã duy nhất ID . **MaNhaCungCap** cho biết định mức thuộc về công ty nào.**GiaTriDinhMuc** thể hiện số tiền cụ thể.Từng định mức nợ có một **NgayApDung** cho biết thời gian định mức đó áp dụng khi nào.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| **ID** | Int |
| MaNhaCungCap | Nvachar(50) |
| GiaTriDinhMuc | Float |
| NgayApDung | Datetime |

* + THOIDIEMGUIDS(**MaThoiDiemGuiDS**,TenThoiDiemGuiDS)

Để biết nhà cung cấp sẽ gửi danh sách nguyên liệu cho nhà hàng khi nào thì bảng THOIDIEMGUIDS sẽ có một mã duy nhất là MaThoiDiemGuiDS.TenThoiDiemGuiDS cho biết khi nào nào nhà cung cấp gửi danh sách cho nhà hàng(có thể là sáng, trưa….)

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** |
| **MaThoiDiemGuiDS** | Int |
| TenThoiDiemGuiDS | Nvachar(50) |
|  |  |

1. MÓN ĂN - THỰC ĐƠN (Heo Quắn)
   * PHANLOAIMONAN
   * LOAIMONAN
   * MONAN
   * NGUYENLIEU\_MONAN
   * THONGKETHUNHAP
   * THUCDON
   * CHITIETTHUCDON
2. NHÀ HÀNG - NHÂN VIÊN - ĐẶT BÀN - THANH TOÁN (Heo Quay)
   * NHAHANG
   * LOAINHANVIEN
   * NHANVIEN
   * THONGKENHANVIEN
   * KHUVUC
   * THONGTINBAN
   * THONGTINBANDAT
   * HOADON
   * CHITIETHOADON